

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 222/2022/HSPT

Ngày 22-9-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các thẩm phán: Ông Y Thông Kbuôr và bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngụy Thế Xuân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 215/2022/TLPT-HS ngày 23/8/2022 đối với bị cáo Lê Đỗ T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Lê Đỗ T**, sinh năm 1984; tại: tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Tri C3, xã D, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức T1 (đã chết) và bà Phạm Thị C; vợ Lê Thị N, sinh năm 1985; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 8 năm 2018, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nhưng không thể vay mượn được nên Lê Đỗ T đã nảy sinh ý định lừa người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. T đã lên mạng Internet và đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BA 800353, đề tên Lê Đỗ T và Lê Thị N, ghi Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 18 tháng 6 năm 2010, với giá 1.500.000 đồng. Sau khi nhận được GCNQSD đất giả, ngày 03/8/2018, Lê Đỗ T một mình đến gặp ông Trịnh Văn K, thế chấp cho ông K để vay số tiền 100.000.000 đồng, ông K đưa mẫu giấy vay tiền để T tự viết và ký tên. Ngày

06/8/2018, T tiếp tục đến gặp ông K để vay thêm 50.000.000 đồng, ông K đưa cho T mẫu giấy vay tiền để T viết nhưng lần này ông K yêu cầu phải có chữ ký của bà Lê Thị N (vợ T) thì mới cho vay thêm nên T đã gọi bà N đến để ký vào giấy vay tiền do T viết vào ngày 03/8/2018 và ngày 06/8/2018. T hẹn đến ngày 06/9/2018 sẽ trả đủ tiền cho ông K.

Ngày 09/8/2018, Lê Đỗ T đến gặp bà Ngô Thị N1 và nói dối là đang cần tiền để mua bán sầu riêng và mượn bà N1 số tiền 51.000.000 đồng, hẹn đến ngày 09/9/2018 sẽ trả.

Ngày 26/8/2018, Lê Đỗ T đến gặp bà Nguyễn Thị Thu H, nói dối với chị H vay số tiền 120.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hứa 07 ngày sau sẽ trả. Ngoài ra, vì muốn chiếm đoạt thêm tiền của bà H nên T viết 01 giấy bán xe mô tô biển số 47D1 – 089.30 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Taurus mang tên Lê Đỗ T cho bà H với số tiền 5.000.000 đồng. Để chiếm đoạt lại chiếc xe nói trên, T nói dối bà H cho mượn tạm chiếc xe để làm phương tiện đi lại vài ngày sẽ trả, để tạo lòng tin cho bà H, T viết giấy mượn lại chiếc xe mô tô trên. Sau khi mượn lại xe mô tô biển số 47D1 – 089.30 T bán chiếc xe nói trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 2.500.000 đồng.

Đến tháng 01/2019, T bán nhà, đất tại xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk rồi bỏ trốn khỏi địa phương, cắt hết mọi liên lạc.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh truy nã đối với Lê Đỗ T (Quyết định truy nã số 04 ngày 18/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E). Ngày 02/11/2021, T đến trụ sở Công an phường H1, thị xã N2, tỉnh Thanh Hoá đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định số 229/PC09 ngày 31/3/2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số BA 800353, mang tên Lê Đỗ T và Lê Thị N, ghi UBND huyện E cấp ngày 18 tháng 6 năm 2010 (ký hiệu A1), là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số 727/BB-ĐGTS ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Taurus, biển số 47D1 – 089.30 có giá trị tại thời điểm ngày 26/8/2018 là 10.000.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng: Thu giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 800353, đề tên Lê Đỗ T và Lê Thị N, ghi Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 18 tháng 6 năm 2010.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng mà Lê Đỗ T khai đã dùng để lên mạng Internet đặt làm giả GCNQSD đất, T khai trong quá trình sử dụng đã bị hư hỏng và vứt bỏ, Cơ quan Công an đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47D1 – 089.30 Lê Đỗ T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu H thì T khai đã bán cho một người đàn ông (không rõ

nhân thân lai lịch) tại xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan Công an đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đỗ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Đỗ T 07 (bảy) năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Đỗ T 02 (hai) năm tù về tội “*làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.*”

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 02/11/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự: Chấp nhận việc Lê Đỗ T đã trả lại cho ông Trịnh Văn K 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) bà Nguyễn Thị Thu H 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*).

Buộc bị cáo trả lại cho bà Ngô Thị N151.000.000đ (*năm mươi một triệu đồng*).

Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 202.500.000 đồng của bị cáo Lê Đỗ T do phạm tội mà có.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/7/2022, bị cáo Lê Đỗ T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 28/7/2022, gia đình bị cáo đã trả số tiền 51.000.000đ (*năm mươi một triệu đồng*) để khắc phục hậu quả cho bà Ngô Thị N1 được bà N1 làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo về hình phạt. Bị cáo kháng cáo thêm nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại việc cấp sơ thẩm tuyên tịch sung ngân sách nhà nước số tiền 202.500.000 đồng là chưa đúng. Đây là số tiền những người bị hại ông Trịnh Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H, tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nữa

Quá trình tranh luận tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “*làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS là đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm tù về tội “*làm*

giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bà Ngô Thị N1 số tiền 51.000.000 đồng được bà N1 có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm a, b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm số 45/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk như sau: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Đỗ T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đỗ T 02 (hai) năm tù về tội *“làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 08 năm đến 8 năm 06 tháng tù. Đề nghị không áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 202.500.000 đồng đối với bị cáo Lê Đỗ T.*

Bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của mình, không có tranh luận gì thêm chỉ xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định:

Do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, không có tiền để trả nên bị cáo đã nảy sinh ý định vay tiền của người khác để chiếm đoạt: Bị cáo đã dùng điện thoại di động lên mạng Internet đặt làm giả 01 giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Lê Đỗ T, Lê Thị N với giá 1.500.000 đồng sau đó đi thế chấp cho ông Trịnh Văn K để vay 150.000.000 đồng; ngoài ra bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin sai sự thật như cần tiền để mua sấu riêng, đáo hạn ngân hàng... để lừa vay của bà Ngô Thị N 151.000.000 đồng, vay của bà Nguyễn Thị Thu H 120.000.000 đồng và lừa bán cho bà H 01 xe mô tô 5.000.000 đồng(giá trị của chiếc xe mô tô là 10.000.000 đồng, nhưng sau đó viết giấy mượn lại và bán cho người khác để chiếm đoạt. Số tiền vay của những người nói trên bị cáo sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân, đến hạn trả nợ thì không trả mà bán tài sản của mình và bỏ trốn khỏi địa phương. Tổng số tiền và tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 331.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận ý thức chiếm đoạt tài sản có trước khi vay tiền của các bị hại.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “*làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Xét mức hình phạt 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm tù về tội “*làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là nhẹ so với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi lẽ, đối với tội “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” bị cáo phạm tội 03 lần, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với tội “*làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” thì không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã trả cho bà Ngô Thị N151.000.000 đồng, được bà N1 làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá nhẹ đối với hành vi bị cáo gây ra. Do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xem xét lại số tiền truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 202.500.000 đồng: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện trả lại cho ông bà Trịnh Văn K – Huỳnh Thị Phi Y 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và bà Nguyễn Thị Thu H 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Số tiền 202.500.000 đồng còn lại ông K và bà H tự nguyện cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại, thì không tịch thu mà trả lại cho những người bị hại. Xét việc các bên tự nguyện thỏa thuận cho nhau. Cấp sơ thẩm cho rằng đây là tiền do phạm tội mà có tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước là không đúng.

Từ phân tích và nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo không truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 202.500.000 đồng.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Lê Đỗ T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356, Điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đỗ T – Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 45/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đỗ T – Sửa Bản án hình sự sơ thẩm 45/2022/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk về không áp dụng biện pháp tư pháp.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Lê Đỗ T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

[2.1] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Đỗ T 07 (bảy) năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2.2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Đỗ T 02 (hai) năm tù về tội “*làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

[2.3] Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/11/2021.

[3] Về án phí: Bị cáo Lê Đỗ T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea h'leo ;
- VKSND huyện Ea h'leo;
- Công an huyện Ea h'leo;
- Chi cục T.H.A DS huyện E;
- Cơ quan T.H.A HSCA huyện E;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Tuyết